

Đơn vị: SỞ CÔNG THƯƠNG
Chương: 416

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 07 tháng 4 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Sở Công Thương công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025 như sau:

A PHẦN SỐ LIỆU

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện so với 6 tháng đầu năm 2024 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
I	Số thu	1.200,00	314,800	26,23	107,06
1	Thu lệ phí				
2	Thu phí	200,00	197,200	98,60	113,14
2.1	Phí kinh doanh thương mại có điều kiện	56,0	32,7	58,39	75,69
2.2	Phí thẩm định thiết kế - dự toán công trình điện	100,0	90	90,00	88,37
2.3	Phí thẩm định cấp GP hoạt động điện lực	4,8		-	
2.4	Phí thẩm định cấp phép vật liệu nổ Công nghiệp	10,5	6	57,14	47,06
2.5	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP	25,5	68,5	268,63	570,83
2.6	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất	3,2		-	-

3	Số thu sự nghiệp	1.000	117,6	78,4	0,0
3.1	Thu từ hoạt động tư vấn, giám sát công trình điện	850		0,00	
3.2	Thu từ đào tạo, tập huấn các lớp kinh doanh xăng dầu, khí ga hóa lỏng, vật liệu nổ CN	150	117,6	78,40	
II	Chi từ nguồn thu được để lại	748,05	0		-
1	Chi sự nghiệp kinh tế	593	0	0,00	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	593	0	0,00	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính	155,05	0	-	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	155,05	0	-	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số nộp ngân sách nhà nước	44,95	39,650	88,21	110,41
1	Lệ phí				
2	Phí	44,95	39,650	88,21	110,41
2.1	Phí kinh doanh thương mại có điều kiện	28,0	16,35	58,39	75,69
2.2	Phí thẩm định thiết kế - dự toán công trình điện	10	9	90,00	88,37
2.3	Phí thẩm định cấp Giấy phép hoạt động điện lực	0,5	0	-	
2.4	Phí thẩm định cấp phép vật liệu nổ CN	1,1	0,6	57,14	47,06
2.5	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP	5,1	13,7	268,63	570,83
2.6	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất	0,3		-	-
3	Sự nghiệp			-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	20.445,0	6.872,33	33,61	113,13



1	Chi quản lý hành chính	11.553,0	4.593,01	39,76	128,90
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	10.017	4.557,34	45,50	134,43
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.536,0	35,67	2,32	20,62
2	Chi sự nghiệp GD, đào tạo và dạy nghề	27	13,71	50,78	167,20
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	27	13,71	50,78	167,20
3	Chi hoạt động kinh tế	8.865	2265,606	25,56	90,51
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.469	1106,559	44,82	143,52
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.396	1159,047	18,12	66,92

B PHẦN THUYẾT MINH

1 Phần thu

1.1 Thu phí, lệ phí

Tổng số thu 197,2 triệu đồng, đạt 98,6% kế hoạch được giao trong năm, vượt 12,14% so với cùng kỳ năm trước.

Thu nộp ngân sách nhà nước 39,65 triệu đồng, đạt 88,21% so với kế hoạch giao đầu năm, vượt 10,41% so với cùng kỳ

Thu nộp ngân sách nhà nước 39,65 triệu đồng, đạt 88,21% so với kế hoạch giao đầu năm, vượt 10,41% so với cùng kỳ

1.2 Phần thu sự nghiệp

Tổng thu sự nghiệp 6 tháng đầu năm : 177.600.000 đồng, đạt 18,4% số với kế hoạch được giao

2 Phần chi ngân sách

2.1 Chi thực hiện quản lý nhà nước nguồn tự chủ 4.557.335.903 đồng, đạt 45,5% Kế hoạch được giao, vượt 34,43% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

Chi tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương: 3.750.783.000 đồng

Chi phúc lợi tập thể: 266.590.000 đồng

Chi dịch vụ công cộng, thông tin tuyên truyền, văn phòng phẩm, thuê mướn: 236.630.503 đồng

Chi hỗ trợ đại hội Đảng: 49.870.000 đồng

Chi công tác phí, Hội nghị: 40.589.000 đồng

Chi các khoản khác: 212.873.400 đồng

2.2 Chi Quản lý Nhà nước nguồn không tự chủ: 35.666.000 đồng, đạt 2,32% so với Kế hoạch được giao, đạt 20,62% so với cùng kỳ năm trước

2.3 Chi sự nghiệp 787.820.600 đồng, đạt 22,98 % kế hoạch được giao, vượt 12,23% so với cùng kỳ cụ thể:

Chi sự nghiệp công nghiệp: 368.362.200 đồng



Chi sự nghiệp thương mại: 419.458.400 đồng

2.4 Chi đào tạo: 13.710.000 đồng đạt 50,78% Kế hoạch được giao, vượt 67,2% so với cùng kỳ

2.5 Chi sự nghiệp Trung tâm

Chi thực hiện ngân sách: 1.477.805.000 đồng, đạt 27% kế hoạch được giao, đạt 82% so với cùng kỳ năm trước.

Phần chi nhiệm vụ thường xuyên : 1.106.559.726 đồng, đạt 44,8 % kế hoạch giao, đạt 143% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

Chi lương và các khoản phụ cấp theo lương: 911.206.000 đồng

Chi dịch vụ công cộng, thông tin tuyên truyền, văn phòng phẩm: 11.988.726 đồng

Chi công tác phí, thuê mướn: 134.365.000 đồng

Chi các khoản khác: 49.000.000 đồng

Phần chi nhiệm vụ không thường xuyên: 371.227.000 đồng, đạt 12,5% kế hoạch giao đầu năm, đạt 36% so với cùng kỳ, cụ thể:

Chi sự nghiệp thương mại: 191.538.700 đồng

Chi sự nghiệp công nghiệp: 179.689.000 đồng

Ngày 07 tháng 7 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Dương Thanh Hòa